

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HS-ST

Ngày: 02-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Hồng Nhung.

Bà Nông Thị Sen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2025, tại phòng xét xử số 01, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2026/TLST-HS ngày 12/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2026/QĐXXST-HS ngày 17/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 27/7/1964, tại xã V tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020064002036; nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 6/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn P (đã chết) và bà Hoàng Thị N (đã chết); vợ Tô Thị H, sinh năm 1965; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 18/5/2023, Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.250.000đ, về hành vi đánh bạc (ngày 02/6/2023 nộp xong tiền phạt và đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính). Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 05/02/2026 được thay thế biện pháp tạm giam bằng bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

2. Nông Văn H1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 13/02/1981, tại xã V tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020081002594; nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 00/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L1, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1941 (đã chết); vợ: Ôn Thị L2,

sinh năm 1981; có 02 con, sinh năm 2014 và năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 05/02/2026 được thay thế biện pháp tạm giam bằng bảo lãnh cho đến nay.

3. Triệu Văn C (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 28/11/1986, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020086002314; nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn M, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1956; vợ: Lê Thị D, sinh năm 1987; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

4. Triệu Văn K1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 19/5/1983, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020083002399; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn H2 (đã chết) và bà Triệu Thị S, sinh năm 1963; vợ: Hoàng Thu H3, sinh năm 1983; con: Có 02 con sinh năm 2005 và năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

5. Long Văn T1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 09/12/1975, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020075001372; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; là đảng viên Đ3 sinh hoạt tại Chi bộ thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Thông báo số 12-TB/UBKT ngày 26/3/2026 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Long Văn T2, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Triệu Thị C2, sinh năm 1950 (đã chết); vợ: Linh Thị V, sinh năm 1975; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu

L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

6. Mai Văn P1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 17/12/1986, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020086002315; nơi cư trú: Thôn P, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; là Đảng viên Đ3 sinh hoạt tại Chi bộ thôn P, xã V, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Thông báo số 12-TB/UBKT ngày 26/3/2026 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Huyền D1, sinh năm 1945 và bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1950 (đã chết); vợ: Hoàng Thị L3, sinh năm 1987; con: có 02 con sinh năm 2014 và năm 2025; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ tại Phân trại tạm giam H, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

7. Hoàng Văn C3 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 03/11/1986, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020086002442 nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; là đảng viên Đ3, nguyên Bí thư Chi bộ thôn Làng Thượng, xã V, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Thông báo số 12-TB/UBKT ngày 26/3/2026 của Ủy ban Kiểm tra xã V, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C4, sinh năm 1963 và bà Nông Thị T3, sinh năm 1966; vợ: Lương Thị H4, sinh năm 1987, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

8. Hoàng Văn N1 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 05/12/1977, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020077001257; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C5 (đã chết) và bà Hoàng Thị L4, sinh năm 1943; vợ: Long Thị C6, sinh năm 1981; con: Có 02 con, sinh năm 2002 và năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

9. Nông Văn T4 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 12/12/1971, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020071001646 nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L1 (đã chết) và bà Lê Thị Đ (đã chết); vợ: Hoàng Thị V1, sinh năm 1972, con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

10. Hoàng Văn T5 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 10/5/1971, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020071001094; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C5 (đã chết) và bà Hoàng Thị L4, sinh năm 1943; vợ: Lý Thị L5, sinh năm 1969, con: có 02 con, sinh năm 1993 và năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

11. Hoàng Văn Q (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 23/7/1985, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020085002422 nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T6, sinh năm 1962 và bà Long Thị Ó, sinh năm 1961; vợ: Triệu Thị C7, sinh năm 1984, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

12. Triệu Văn T7 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 22/12/1988, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020088002097; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn H2 (đã chết) và bà Triệu Thị S, sinh năm 1963; vợ: Đỗ Thị B, sinh năm 1991; con: Có 02 con, sinh năm 2014 và năm 2026; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm

giám Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

13. Nông Văn L6 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 13/3/1976, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020076002404 nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L1, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1941 (đã chết); vợ: Triệu Thị P2, sinh năm 1974, con: Có 02 con, sinh năm 2002 và năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 06/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

14. Hoàng Văn H5 (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 30/10/1988, tại xã V, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020088001660; nơi cư trú: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T8, sinh năm 1958 và bà Vy Thị T9, sinh năm 1959; vợ: Lý Thị T10, sinh năm 1983; con: Có 01 con, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam tại Phân trại tạm giam Hữu L, Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 09/01/2026 đến ngày 15/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Ông Triệu Văn Đ2, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn T11, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng

1. Ông Hoàng Mạnh K2. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Trịnh T12. Vắng mặt.

3. Ông Triệu Văn T13. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 05/01/2026, sau khi ăn cỗ ở nhà anh Hoàng Văn T11 tại thôn G, xã V, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Văn T14 đã rủ Long Văn T1, Triệu Văn C và Nông Văn H1 chơi “xóc đĩa” ăn tiền. Hoàng Văn T14 đã lấy tại

đám cổ bát, đĩa và làm quân vị để đánh bạc, sau đó cùng Triệu Văn C đi ra khu vực vườn na của nhà ông Triệu Văn Đ2 và có Long Văn T1, Nông Văn H1, Mai Văn P1 đến.

Khi bắt đầu tham gia đánh bạc, Hoàng Văn T14 là người “xóc cái” phân định thắng thua; Long Văn T1, Nông Văn H1, Mai Văn P1 đặt tiền đánh bạc. Khi chơi được khoảng 06 – 07 ván, Hoàng Văn T14 thua nên Nông Văn H1 thay cầm cái; lúc này có thêm Triệu Văn C, Nông Văn L6, Triệu Văn K1, Nông Văn T4, Hoàng Văn N1, Hoàng Văn C3, Triệu Văn T7, Hoàng Văn H5, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q vào tham gia đánh bạc, trong đó có người đến trước, có người đến sau. Cả nhóm chơi được một lúc thì Triệu Văn C, Mai Văn P1, Hoàng Văn H5 bị thua không chơi nữa và ra về trước. Tại chiếu bạc còn có ông Hoàng Mạnh K2, ông Hoàng Trịnh T12 và ông Triệu Văn T13 cùng trú tại xã V, tỉnh Lạng Sơn đứng xem đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ Nông Văn T, Long Văn T1, Nông Văn T4, Triệu Văn K1, Nông Văn L6 tại chiếu bạc. Các bị cáo Hoàng Văn N1, Hoàng Văn C3, Triệu Văn T7, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q đã bỏ chạy và bị cáo Hoàng Văn H5 thua hết tiền ra về trước nên đến ngày 09/01/2026 cùng đến đầu thú tại trụ sở cơ quan công an.

Quá trình bắt giữ, thu tại chiếu bạc: 01 (một) đĩa nhựa; 01 (một) bát sứ; 04 (bốn) quân vị hình tròn, có một mặt trắng, một mặt màu vàng; 01 (một) chiếc chiếu cói màu vàng, cũ, rách. Thu giữ trên người của Triệu Văn K1 2.200.000 đồng và Long Văn T1 30.000 đồng, cả hai khai nhận toàn bộ số tiền bị thu giữ đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ngoài ra Triệu Văn C giao nộp cho Cơ quan Điều tra 356.000 đồng, Nông Văn H1 giao nộp 500.000 đồng, Mai Văn P1 giao nộp 600.000 đồng.

Hình thức đánh bạc như sau: Có 01 người cầm cái, sau khi người cầm cái cho 04 quân vị hình tròn có một mặt trắng và một mặt màu vàng vào đĩa, úp bát lại và xóc rồi đặt xuống nhưng chưa mở bát, những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược tùy ý vào cửa chắn là bên tay phải người cầm cái hoặc cửa lẻ là bên tay trái người cầm cái. Lẻ được quy ước là 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị khác màu. Chẵn là có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu. Khi những người chơi đặt cược tiền xong thì người cầm cái có thể mở bát hoặc bán cái, người mua cái sẽ trở thành người cầm cái ván bạc đó. Trường hợp người cầm cái không bán cái và mở bát ra, nếu kết quả là lẻ thì ai đặt cửa lẻ thắng tiền, ai đặt cửa chẵn bị thua tiền và ngược lại, nếu kết quả là chẵn thì ai đặt cửa chẵn thắng tiền, ai đặt cửa lẻ bị thua tiền. Tỷ lệ 1:1 tương ứng với số tiền đã đặt cược. Người cầm cái sẽ trả tiền cho người thắng hoặc thu tiền của người thua. Không giới hạn số tiền đặt cược.

Kết quả điều tra xác định: Khi đánh bạc, số tiền Nông Văn T sử dụng 500.000

đồng; Nông Văn H1 50.000 đồng; Long Văn T1 khoảng 2.300.000 đồng; Mai Văn P1 có khoảng 1.100.000 đồng; Triệu Văn K1 có khoảng 2.400.000 đồng; Nông Văn T4 xin của Mai Văn P1 200.000 đồng để đánh bạc; Triệu Văn C 456.000 đồng; Nông Văn L6 xin của Triệu Văn C 100.000 đồng; Hoàng Văn H5 50.000 đồng; Hoàng Văn N1 200.000 đồng; Hoàng Văn C3 100.000 đồng; Triệu Văn T7 200.000 đồng; Hoàng Văn T5 150.000 đồng; Hoàng Văn Q 100.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 6.886.000đ (sáu triệu, tám trăm, tám mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn Đ2, ông Hoàng Văn T11 và những người làm chứng ông Hoàng Mạnh K2, ông Hoàng Trinh T12, ông Triệu Văn T13 có đơn xin xét xử vắng mặt và khẳng định đã trình bày rõ trong quá trình điều tra, không có ý kiến, yêu cầu gì; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 23 /CT-VKSLSN-KV ngày 05/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn đã truy tố 14 bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và phát biểu quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố 14 bị cáo phạm tội đánh bạc.

- Xử phạt:

- + Hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nông Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; Nông Văn H1 từ 11 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo; Triệu Văn C từ 10 đến 13 tháng tù cho hưởng án treo; Long Văn T1, Triệu Văn K1, Mai Văn P1 từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Văn C3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nông Văn T4 từ 10 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ; Nông Văn L6 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 xử phạt: Hoàng Văn N1, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q, Triệu Văn T7, Hoàng Văn H5: từ 08 đến 11 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

+ Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 6.886.000đ (sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) chiếc đĩa nhựa màu trắng, 01 (một) chiếc bát sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc chiếu cói.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật TTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2014/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Nông Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm; 13 bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái, vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến gia đình, xã hội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền, sự giúp đỡ của gia đình, trở thành người có ích, cam kết sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Triệu Văn Đ2, ông Hoàng Văn T11 và những người làm chứng ông Hoàng Mạnh K2, ông Hoàng Trịnh T12 và ông Triệu Văn T13; xét thấy, hồ sơ đã có lời khai, lời trình bày; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp giữa các lời khai của những người tham gia đánh bạc, biên bản sự việc, vật chứng bị thu giữ đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; có đủ cơ sở để xác định:

[4] Khoảng 13 giờ ngày 05/01/2026, Nông Văn T, Nông Văn H1, Triệu

Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn N1, Hoàng Văn Q, Nông Văn L6, Nông Văn T4, Hoàng Văn C3, Hoàng Văn H5, Triệu Văn T7, Triệu Văn C đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”, đặt cửa chặn lẻ được thua bằng tiền. Trong đó Nông Văn T là người nảy sinh ý định rủ người khác đánh bạc, chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, cầm cái “xóc đĩa” ban đầu; sau đó Nông Văn H1 là người cầm cái xóc đĩa, tham gia chơi. Một số người đến tham gia đánh bạc thua hết tiền nên ra về trước, số còn lại đánh bạc đến 14 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt và thu giữ tang vật; xác định số tiền đánh của mỗi bị cáo, mỗi ván thấp nhất 50.000 đồng, cáo nhất 200.000 đồng; tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng đánh bạc là 6.886.000 đồng.

[5] Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, là nguyên nhân tiền đề phát sinh thiệt hại về kinh tế và các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền từ đánh bạc và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[6] Đây là vụ án đồng phạm, nhưng thuộc trường hợp giản đơn, bởi các bị cáo không có mục đích bàn bạc từ trước, chỉ rủ nhau đánh bạc sau khi ăn cỗ, uống rượu xong, nên đều có vai trò là người thực hành, thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất mức độ tham gia có sự khác nhau, trong đó: Bị cáo Nông Văn T là người nảy sinh ý định đánh bạc, chuẩn bị công cụ, rủ các bị cáo khác đánh bạc và là người cầm cái đầu tiên nên xác định là vai trò chính; vai trò tiếp theo thuộc về bị cáo Nông Văn H1 cầm cái tiếp cho các bị cáo còn lại tham gia với vai trò tích cực đến khi bị bắt. Các bị cáo Triệu Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1 là người sử dụng số tiền nhiều hơn các bị cáo khác để đánh bạc. Các bị cáo còn lại gồm Triệu Văn C, Hoàng Văn C3, Nông Văn T4, Nông Văn L6, Hoàng Văn N1, Triệu Văn T7, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn H5 tham gia đánh bạc, trong đó có người đến trước, có người đến sau, sử dụng số tiền đánh bạc khác nhau nhưng tính chất mức độ ngang nhau, có vai trò ít nghiêm trọng.

[7] Đảm bảo căn cứ xác định, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc với tổng số tiền 6.886.000 đ (sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[8] “Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm,

thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[9] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cụ thể:

[10] Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong và đảm bảo thời gian được coi là chưa có tiền sự. Bị cáo Triệu Văn C đã từng bị xử phạt về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích. 12 bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình sinh sống tại địa phương, tất cả các bị cáo đều đã từng tham gia đóng góp, ủng hộ, thiện nguyện, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, được chính quyền địa phương xác nhận.

[11] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả 14 bị cáo đều phạm tội lần đầu (không còn có tiền án, tiền sự) và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (khung hình phạt bị truy tố cao nhất đến 03 năm tù); các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn H5, Hoàng Văn N1, Triệu Văn T7, Hoàng Văn C3 sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện đã chủ động đầu thú nên được hưởng thêm 01 tình tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Hình phạt chính: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, với số tiền đánh bạc không nhiều, gần mức khởi điểm cấu thành định lượng và thời gian diễn ra ngắn (khoảng 01 giờ); tuy vậy cũng cần xem xét tính chất, mức độ tham gia để phân hóa:

[13.1] Bị cáo Nông Văn T có vai trò là người khởi xướng, nảy sinh ý định rủ người khác đánh bạc, chuẩn bị công cụ để đánh “xóc đĩa” và trực tiếp “xóc cái” phân định thắng thua cho các con bạc; tham gia từ đầu đến khi bị bắt. Bị cáo Nông Văn H1 có vai trò thứ hai là người cầm cái tiếp theo, phân định thắng thua cho các con bạc. Cả hai bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, nên cần xét xử hình phạt tù với mức hình phạt nặng hơn các bị cáo còn lại trong vụ án, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải

tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách phù hợp đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa chung tội phạm.

[13.2] Bị cáo Triệu Văn K1 là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, tuy nhiên không phải là người tham gia đánh bạc từ đầu, tiếp đến là bị cáo Long Văn T1 tham gia đánh bạc tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo Mai Văn P1 và bị cáo Triệu Văn C lần lượt là những người sử dụng số tiền nhiều hơn các bị cáo phía sau tham gia đánh bạc. Bị cáo Hoàng Văn C3 tham gia số tiền ít nhưng bị cáo là Bí thư Chi bộ, bị cáo Long Văn T1, Mai Văn P1 là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ nơi cư trú nhưng không gương mẫu, vi phạm những điều quy định đảng viên không được làm nên cần có mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách phù hợp đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[13.3] Đối với các bị cáo Nông Văn T4, Nông Văn L6, Hoàng Văn N1, Triệu Văn T7, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn H5 là những bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không nhiều, có vai trò thứ yếu, hành vi ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn H5, Hoàng Văn N1, Triệu Văn T7 có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức hình phạt từ cao xuống thấp tương xứng đối với số tiền tham gia đánh bạc và miễn khấu trừ thu nhập do các bị cáo không có tài sản riêng, công việc thu nhập ổn định.

[14] Về hình phạt bổ sung: Xác định tất cả các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng đảm bảo cho công tác thi hành án.

[15] Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 6.886.000 đồng các bị cáo sử dụng để phạm tội. Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa nhựa, 01 bát sứ, 04 quân vị, 01 chiếc chiếu cói là công cụ sử dụng đánh bạc và không còn giá trị sử dụng, chủ sở hữu không có yêu cầu trả lại.

[16] Con người, sự việc liên quan: Việc các bị cáo đánh bạc sau khi ăn cỗ, có sử dụng rượu nên bột phát rủ nhau đánh bạc, một số bị cáo tò mò, háo hức nên tham gia 01- 02 lần chơi, số người chơi không xác định tại các thời điểm nên không có dấu hiệu hành vi tổ chức đánh bạc. Địa điểm vườn na của gia đình ông Triệu Văn Đ2, tuy nhiên việc các bị cáo tụ đến đánh bạc chủ sở hữu không biết và không được hưởng lợi nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự. Số bát sứ và đĩa nhựa là của gia đình ông Hoàng Văn T11, do Nông Văn T tự lấy đi sử dụng đánh bạc gia đình ông Hoàng Văn T11 không biết và cũng không có yêu cầu

bồi hoàn giá trị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với ông Hoàng Mạnh K2, Hoàng Trinh T12 và Triệu Văn T13 có mặt tại địa điểm, xem đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, không được hưởng lợi, hoặc giúp sức cho việc đánh bạc, nên không phạm tội.

[17] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng bị cáo Nông Văn T là người cao tuổi trên 60 tuổi và đơn có đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[18] Những nội dung đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H1, Triệu Văn C, Triệu Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn C3.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình Sự đối với các bị cáo Nông Văn T4, Nông Văn L6.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình Sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn H5, Hoàng Văn N1, Triệu Văn T7.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 điều 136; các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tội danh.

Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H1, Triệu Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn N1, Hoàng Văn Q, Nông Văn L6,

Nông Văn T4, Hoàng Văn C3, Hoàng Văn H5, Triệu Văn T7, Triệu Văn C phạm tội Đánh bạc.

2. Hình phạt.

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.2. Xử phạt bị cáo Nông Văn H1 11 (mười một) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 10 (mười) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.3. Xử phạt bị cáo Triệu Văn C 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.4. Xử phạt bị cáo Triệu Văn K1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.5. Xử phạt bị cáo Long Văn T1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.6. Xử phạt bị cáo Mai Văn P1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một năm) 04 (bốn) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

2.7. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C3 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2026.

Giao các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn H1, Triệu Văn C, Triệu Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1, Hoàng Văn C3 cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn để thực hiện việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo, trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2.8. Xử phạt bị cáo Nông Văn T4 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 10 (mười) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.9 Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N1 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 10 (mười) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.10. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T5 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.11. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. được trừ thời hạn 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.12. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T7 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. được trừ thời hạn 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.13. Xử phạt bị cáo Nông Văn L6 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. được trừ thời hạn 10 (mười) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

2.14. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H5 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

được trừ thời hạn 07 (bảy) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2026 đến ngày 15-01-2026), quy đổi bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Hoàng Văn N1, Nông Văn T4, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q, Triệu Văn T7, Nông Văn L6, Hoàng Văn H5.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo Nông Văn T4, Hoàng Văn N1, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn Q, Triệu Văn T7, Nông Văn L6, Hoàng Văn H5 bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: Số tiền 6.886.000đ (sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc đĩa nhựa màu trắng.
- 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng.
- 01 phong bì thư niêm phong dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia, bên trong đựng 04 (bốn) quân vị hình tròn, được ghi ký hiệu “Quân vị”.
- 01 chiếc chiếu cói màu vàng, đã qua sử dụng cũ, rách, kích thước 1,9m x 1,47m.

(Các vật chứng cùng số tiền hiện đang Lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09 tháng 6 năm 2026).

4. Án phí: Buộc các bị cáo Nông Văn H1, Triệu Văn K1, Long Văn T1, Mai Văn P1, Hoàng Văn T5, Hoàng Văn N1, Hoàng Văn Q, Nông Văn L6, Nông Văn T4, Hoàng Văn C3, Hoàng Văn H5, Triệu Văn T7, Triệu Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Văn T.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường.